TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày: 06/3/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN DÂN NHÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hồng
2. Bà Trương Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Lil là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: khu vực 5, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Phúc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2017), có mặt.

Địa chỉ: Ấp 12, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bùi Thị Cẩm P, sinh năm: 1982, có mặt.

Lê Hồng L, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: khu vực 5, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phúc D trình bày:

Vào năm 2015 và năm 2016, bà Nguyễn Thị Lệ T có cho vợ chồng bà Bùi Thị Cẩm P và ông Lê Hồng L vay tiền nhiều lần tổng cộng là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), cụ thể vay các lần như sau:

- Ngày 19/6/2015 (âl) bà T cho vợ chồng bà P vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Ngày 06/7/2015 (âl) bà T cho vợ chồng bà P vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Ngày 26/10/2015 (âl) bà T cho vợ chồng bà P vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Ngày 12/12/2015 (âl) bà T cho vợ chồng bà P vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

- Ngày 28/9/2016 (âl) bà T cho vợ chồng bà P vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tất cả các lần vay hai bên đều làm biên nhận nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, thỏa thuận đến tháng 10/2016 thì vợ chồng bà P phải trả đủ hết số tiền vốn và tiền lãi cho bà T. Tuy nhiên, từ ngày vay thì bà P chỉ đóng lãi được đến tháng 4/2016 thì ngưng không đóng tiếp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà P có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền vốn còn nợ là 1.500.000.000 đồng trong thời gian sớm nhất và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Thị Cẩm P thừa nhận có vay của bà T số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Từ khi vay bà P có trả lãi cho bà T đầy đủ đến tháng 8/2016, sau đó do làm ăn thua lỗ nên bà P không đóng lãi và trả tiền vốn vay cho bà T. Số tiền trên bà P vay của bà T để kinh doanh riêng, ông L hoàn toàn không biết. Nay bà P cũng đồng ý trả số tiền trên cho bà T, nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn Lê Hồng L trình bày: Giữa ông và vợ là Bùi Thị Cẩm P đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và ly thân cho đến nay. Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận phân chia tài sản xong, việc bà P vay tiền của bà T thì ông hoàn toàn không biết nên ông không đồng ý trả số tiền trên cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản". Căn cứ Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục: Bị đơn Lê Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Hồng L.

Tại phiên tòa phía đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phúc D rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu phía các bị đơn trả phần tiền lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng trong giai đoạn xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà P và ông L về phần tiền lãi trong quá trình xét xử.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà P và ông L trả số tiền đã vay 1.500.000.000 đồng trong thời gian sớm nhất; bà P đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; Bị đơn Lê Hồng L cho rằng việc vay mượn giữa bà T và bà P ông không biết nên không đồng ý trả. Do các bên không thống nhất được cách trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

3.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà P và ông L trả số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng: Căn cứ vào những biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thì xác nhận bà Bùi Thị Cẩm P có vay của bà T nhiều lần, tổng cộng là 1.500.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà P cũng thừa nhận những biên nhận nợ trên bà P viết và ký tên. Như vậy căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định việc bà P vay của bà T số tiền 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn có sự thật.

3.2 Bị đơn Lê Hồng L cho rằng vợ chồng ông đã ly thân được một thời gian, hai người đã tự thỏa thuận phân chia tài sản, do đó việc bà P vay tiền của bà T ông hoàn toàn không biết nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, Ngày 26/2/2018 ông L nộp đơn yêu cầu cho Tòa án và ông L xác nhận: Tôi xin hỗ trợ cho bà Bùi Thị Cẩm P mỗi tháng 5.000.000 đồng nhằm để giúp phần nào cho bà P trả nợ cho bà T, cũng theo đĩa ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông L và ông Cà (chồng bà T) do nguyên đơn cung cấp thì ông L cũng thừa nhận việc ông L có biết việc bà P nợ tiền của bà T và ông đồng ý về cùng vợ bàn cách trả nợ cho bà T, đĩa ghi âm trên cũng được bà P xác nhận giọng nói của ông L. Như vậy số tiền 1.500.000.000 đồng bà P vay của bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông L còn hiệu lực, việc bà P vay tiền của bà T thì ông L cũng có biết, như vậy đây là phần nợ chung của vợ chồng bà Bùi Thị Cẩm P và ông Lê Hồng L.

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Như vậy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với

nguyên đơn là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu bà P và ông L trả số tiền vay là là có cở sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị đơn phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà T là 57.000.000 đồng. Do các bị đơn có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, nên hội đồng xét xử thống nhất miễn giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn. Như vậy bà P và ông L còn phải chịu 28.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T.

[2] Buộc bị đơn Bùi Thị Cẩm P và Lê Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T số tiền vốn còn nợ là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Bùi Thị Cẩm P và Lê Hồng L phải nộp 28.500.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phúc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.000.000 đồng (hai mươi

triệu đồng) theo biên lai T số 0015401, phiếu lập ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn Bùi Thị Cẩm P có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/3/2018). Riêng bị đơn Lê Hồng L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi ông L đang cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;